

Biểu số: 0301/BTNMT

Ban hành kèm theo Thông tư số
20/2018/TT-BTNMT, ngày
08/11/2018 của Bộ Tài nguyên
và Môi trường

Ngày nhận báo cáo: Ngày 15/3
năm sau

**DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN ĐƯỢC ĐO
VỀ LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHẤT
KHOÁNG SẢN**

Năm.....

Đơn vị báo cáo: Tổng
cục Địa chất và
Khoáng sản Việt
Nam

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ Kế hoạch - Tài
chính

Đơn vị tính: Km²

ST T	Tỉnh/Thành phố	M ã số	Diện tích tự nhiên được đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản chia theo tỷ lệ bản đồ trong năm báo cáo			Diện tích tự nhiên được đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản chia theo tỷ lệ bản đồ lũy kế đến ngày 31/12 năm báo cáo		
			1/500.00 0	1/200.00 0	1/50.000	1/500.000	1/200.000	1/50.000
A	B	C	1	2	3	4	5	6
	Cả nước							
1	Tỉnh/Thành phố A							
2	Tỉnh/Thành phố B							
								

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 0301/BTNMT. Diện tích tự nhiên được đo vẽ bản đồ địa chất khoáng sản

1. Phạm vi thống kê

Thống kê diện tích đã được đo vẽ bản đồ địa chất khoáng sản trên địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (phần đất liền) theo các tỷ lệ bản đồ (1/500.000, 1/200.000, 1/50.000) lũy kế đến ngày 31/12 năm báo cáo.

2. Cách ghi biểu

Cột B: ghi danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo danh mục đơn vị hành chính;

Cột 1, 2, 3: ghi diện tích được đo vẽ bản đồ địa chất khoáng sản theo các tỷ lệ bản đồ: 1/500.000, 1/200.000, 1/50.000 trong năm báo cáo;

Cột 4, 5, 6: ghi diện tích được đo vẽ bản đồ địa chất khoáng sản theo các tỷ lệ bản đồ: 1/500.000, 1/200.000, 1/50.000 lũy kế đến ngày 31/12 năm báo cáo.

3. Nguồn số liệu

Báo cáo kết quả các đề án đo vẽ bản đồ địa chất khoáng sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nộp lưu trữ.